

Số: /2023/QĐ-UBND

Gia Lai, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về mức giá cụ thể đối với dịch vụ xe ra, vào
bến xe ô tô trên địa bàn tỉnh Gia Lai**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 25/2014/TT-BTC ngày 17 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 152/2014/TTLT-BTC-BGTVT ngày 15 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện giá cước vận tải bằng xe ô tô và giá dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về mức giá cụ thể đối với dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2023.

2. Quyết định này thay thế Quyết định số 14/2011/QĐ-UBND ngày 08 tháng 6 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành Quy định về giá dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở; Thủ trưởng các ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân khác có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Đài Phát thanh Truyền hình tỉnh; Báo Gia Lai;
- Chi cục Văn thư – Lưu trữ tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trương Hải Long

QUY ĐỊNH

Về mức giá cụ thể đối với dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô trên địa bàn tỉnh Gia Lai

*(Kèm theo Quyết định số /2023/QĐ-UBND ngày tháng năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về mức giá cụ thể đối với dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đơn vị kinh doanh vận tải sử dụng dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô, gồm: Doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh.
2. Đơn vị quản lý, kinh doanh, khai thác bến xe ô tô.
3. Cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Chương II

MỨC GIÁ CỤ THỂ ĐỐI VỚI DỊCH VỤ XE RA, VÀO BẾN XE Ô TÔ

Điều 3. Xác định mức giá cụ thể đối với dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô

1. Mức giá cụ thể đối với dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô tại Quy định này đã bao gồm thuế giá trị gia tăng.
2. Xe ô tô khách tính theo số ghế xe (chỗ ngồi), số giường nằm (chỗ nằm) được ghi trong sổ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe.
3. Xe ô tô tải vào bến bốc xếp hàng hóa tính theo khối lượng hàng chuyên chở cho phép tham gia giao thông của xe ô tô ghi trong Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.

Điều 4. Mức giá cụ thể đối với dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô

1. Đối với các loại xe ô tô chạy theo tuyến cố định:

ĐVT: đồng/chuyến-xe

STT	Loại xe ô tô	Bến xe loại 1	Bến xe loại 2	Bến xe loại 3	Bến xe loại 4
1	Tuyến có cự ly dưới 150 km				
	Xe ô tô đến 16 chỗ ngồi	40.000	40.000	35.000	35.000
	Xe ô tô trên 16 chỗ ngồi đến 35 chỗ ngồi	75.000	75.000	70.000	70.000
	Xe ô tô chỗ nằm và xe ô tô trên 35 chỗ ngồi	100.000	100.000	90.000	90.000
2	Tuyến có cự ly từ 150 km đến dưới 300 km				
	Xe ô tô đến 16 chỗ ngồi	48.000	45.000	42.000	40.000
	Xe ô tô trên 16 chỗ ngồi đến 35 chỗ ngồi	90.000	88.000	86.000	85.000
	Xe ô tô chỗ nằm và xe ô tô trên 35 chỗ ngồi	140.000	135.000	130.000	120.000
3	Tuyến có cự ly từ 300 km đến 500 km				
	Xe ô tô đến 16 chỗ ngồi	74.000	70.000	68.000	65.000
	Xe ô tô trên 16 chỗ ngồi đến 35 chỗ ngồi	165.000	162.000	160.000	155.000
	Xe ô tô chỗ nằm và xe ô tô trên 35 chỗ ngồi	194.000	190.000	185.000	180.000
4	Tuyến có cự ly trên 500 km				
	Xe ô tô chỗ ngồi	174.000	150.000	130.000	115.000
	Xe ô tô chỗ nằm	256.000	240.000	220.000	210.000

2. Đối với các loại xe ô tô không chạy theo tuyến cố định:

DVT: đồng/lượt xe

STT	Loại xe ô tô	Bến xe loại 1	Bến xe loại 2	Bến xe loại 3	Bến xe loại 4
1	Xe taxi	5.000	5.000	5.000	5.000
2	Xe ghé qua bến trả khách				
	Xe khách đến 16 chỗ ngồi hoặc chỗ nằm	10.000	10.000	10.000	10.000
	Xe khách trên 16 chỗ ngồi hoặc chỗ nằm	20.000	20.000	20.000	18.000
3	Xe tải				
	Trọng tải thiết kế của xe dưới 2 tấn	10.000	10.000	10.000	5.000
	Trọng tải thiết kế của xe từ 2 tấn đến dưới 5 tấn	15.000	15.000	15.000	10.000
	Trọng tải thiết kế của xe từ 5 tấn đến dưới 10 tấn	20.000	20.000	20.000	15.000
	Trọng tải thiết kế của xe trên 10 tấn	25.000	25.000	25.000	20.000
4	Xe đầu kéo sơ mi rơ moóc	30.000	30.000	30.000	25.000

Điều 5. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh mức giá cụ thể đối với dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô

Căn cứ tình hình thực tế của địa phương, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Giao thông vận tải và các cơ quan, tổ chức có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh mức giá cụ thể đối với dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô khi có biến động giá trên thị trường hoặc thay đổi mức độ đầu tư cơ sở vật chất của bến xe ô tô theo quy định pháp luật.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 6. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Chủ trì, phối hợp với Sở Giao thông vận tải và các cơ quan liên quan kiểm tra việc thực hiện và xử lý các trường hợp vi phạm pháp luật về giá đối với dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô quy định tại Quy định này.

2. Sở Tài chính trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình triển khai, hướng dẫn thực hiện Quy định này.

Điều 7. Trách nhiệm của Sở Giao thông vận tải

Sở Giao thông vận tải trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình triển khai, hướng dẫn thực hiện Quy định này.

Điều 8. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

Chỉ đạo các cơ quan chức năng kiểm tra việc niêm yết giá, giám sát việc thực hiện thu giá dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô của đơn vị quản lý, kinh doanh, khai thác bến xe ô tô theo Quy định này và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 9. Trách nhiệm của đơn vị kinh doanh vận tải sử dụng dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô

Thực hiện giá dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô với các đơn vị quản lý, kinh doanh, khai thác bến xe ô tô theo Quy định này.

Điều 10. Trách nhiệm của đơn vị quản lý, kinh doanh, khai thác bến xe ô tô

Thực hiện niêm yết giá, công khai thông tin về giá và thu đúng giá niêm yết theo quy định pháp luật về giá.

Điều 11. Điều khoản thi hành

Trong quá trình thực hiện, trường hợp có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị phản ánh bằng văn bản gửi Sở Tài chính, Sở Giao thông vận tải để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh cho phù hợp./.